

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HUYỆN NHƯ THANH

Số: 208/TB-BVNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Như Thanh, ngày 11 tháng 9 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán tại bệnh viện đa khoa Như Thanh năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh
Khu phố 3 - Thị trấn Bến Sung – Huyện Như Thanh – Tỉnh Thanh Hóa
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Ông: Lê Hữu Hiệp – Trưởng Khoa Dược bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh.
Điện thoại: 0974272923; Email: Lehiepvbnt@gmail.com
 - Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa dược bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh.
Khu phố 3 - Thị trấn Bến Sung – Huyện Như Thanh – Tỉnh Thanh Hóa
 - Nhận qua email: Lehiepvbnt@gmail.com
 - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 12 tháng 9 năm đến trước 17h00 ngày 21 tháng 9 năm 2023
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 30 ngày, kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục yêu cầu báo giá.

STT	Danh mục	Mô tả về yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
I	1. HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC - MODEL: HUMACOUNT 80TS - HÃNG SX: HUMAN/ĐỨC			
1	Dung dịch ly giải hồng cầu sử dụng cho các máy huyết học dòng HumaCount	Thành phần: Muối Amoni bạc bốn (2,7%), chất hoạt động bề mặt (< 0,05%)	2.000	ml

2	Dung dịch pha loãng sử dụng cho các máy huyết học dòng HumaCount	Thành phần: Natri sunphat (1%), đệm photphat vô cơ (< 0,6%), natri clorua (< 0,3%), natri azit (< 0,05%)	120.000	ml
3	Dung dịch rửa máy sử dụng cho các máy huyết học dòng HumaCount	Thành phần: Natri photphat (<1%), natri clorua (< 1%), chất hoạt động bề mặt (< 2%), natri azit (< 0,05 %), xanh bromoresol (< 0,001%).	4.000	ml
II	2. HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY SINH HÓA A15, HÃNG BIOSYTEMs - TÂY BAN NHA			
4	Giếng đựng mẫu	Giếng đựng mẫu Vật liệu: Nhựa methacrylate	1.000	Cái
5	Hóa chất dùng cho xét nghiệm a-Amylase-Direct	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng a-Amylase-Direct mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người.. Phương pháp đo: Direct substrate. Dải đo: 1.8 - 1317 U/L. Thành phần: A. Thuốc thử, chứa: đệm MES 50 mmol/L, calci clorid 5 mmol/L, natri clorid 300 mmol/L, natri thiocyanat 450 mmol/L, CNP-G3 2,25 mmol/L, pH 6,1.	25	ml
6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Alanine Aminotransferase ALT/GPT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Alanine Aminotransferase ALT/GPT mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.. Phương pháp đo: IFCC. Dải đo: 1.6 - 800 U/L . Thành phần: A. Thuốc thử : Đệm Tris 150 mmol/L, L-alanin 750 mmol/L, lactat dehydrogenase > 1350 U/L, pH 7,3. B. Thuốc thử : NADH 1,9 mmol/L, 2-oxoglutarat 75 mmol/L, natri hydroxid 148 mmol/L, natri azid 9,5 g/L.	1.000	ml
7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Aspartate Aminotransferase AST/GOT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Aspartate Aminotransferase AST/GOT mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.. Phương pháp đo: IFCC. Dải đo: 1.67 - 800 U/L. Thành phần: A. Thuốc thử : Đệm Tris 121 mmol/L, L-aspartat 362 mmol/L, malat dehydrogenase > 460 U/L, lactat dehydrogenase > 660 U/L, pH 7,8. B. Thuốc thử : NADH 1,9 mmol/L, 2-oxoglutarat 75 mmol/L, natri hydroxid 148 mmol/L, natri azid 9,5 g/L.	1.000	ml
8	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	"Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinine mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người.. Phương pháp đo: JAFFÉ COMPENSATED. Dải đo: 3.5 - 1768 µmol/L . Thành phần: A. Thuốc thử chứa: Natri hydroxid 0,4 mol/L, chất tẩy rửa B. Thuốc thử chứa: Acid picric 25 mmol/L."	1.000	ml
9	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc dịch não tủy người.. Phương pháp đo: Glucose oxidase/oxidase. Dải đo: 0.0126 -27.5 mmol/L . Thành phần: A. Thuốc thử chứa: Phosphat 100 mmol/L, phenol 5 mmol/L, glucose oxidase > 10 U/mL, peroxidase > 1 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,4 mmol/L, pH 7,5. S. Chất chuẩn Glucose/Urea/Creatinine Standard chứa: Glucose 100 mg/dL (5,55 mmol/L), ure 50 mg/dL, creatinin 2 mg/dL. Chất chuẩn gốc dạng dung dịch nước.	1.010	ml

10	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1C-Direct	"Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1C-Direct mẫu máu người. Phương pháp đo: DIRECT. Dải đo: 6 - 140 mmol/mol. Thành phần: A. Thuốc thử.. Hỗn dịch hạt latex, natri azid 0,95 g/L, pH 8,0. B. Thuốc thử.. Kháng thể kháng HbA1C người, chất ổn định, pH 6,0."	60	ml
11	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Bun - UV	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Urea/Bun - UV mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người.. Phương pháp đo: Urease / Glutamate dehydrogenase. Dải đo: 0.42 -50 mmol/L. Thành phần: A. Thuốc thử chứa: dung dịch đệm Tris 100 mmol/L; 2-oxoglutarat 5,6 mmol/L; urease > 140 U/mL; glutamat dehydrogenase > 140 U/mL; ethylenglycol 220 g/L; natri azid 9,5 g/L; pH 8,0. B. Thuốc thử chứa: NADH 1,5 mmol/L, natri azid 9,5 g/L. S. Chất chuẩn Glucose/Urea/Creatinin: Glucose 100 mg/dL, urea 50 mg/dL (8,3 mmol/L, BUN 23,3 mg/dL), creatinin 2 mg/dL. Chất chuẩn gốc dạng dung dịch nước	615	ml
12	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng γ -Glutamyltransferase (GGT) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Phương pháp đo: IFCC. Dải đo: 1.6 -600 U/L . Thành phần: A. Thuốc thử: Glycylglycin 206,25 mmol/L, natri hydroxid 130 mmol/L, pH 7,9. B. Thuốc thử: γ -Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilid 32,5 mmol/L.	400	ml
III . Test thử sử dụng cho máy Xét nghiệm nước tiểu ComboStik R-300; DFI Hàn Quốc				
13	Test thử dùng cho máy phân tích nước tiểu 11 thông số	"Đo các thông số theo thứ tự: Bilirubin (3.1%), Urobikinogen (3.6%), Ketones (2%), Ascorbis acid (0.7%), Glucose, Protein(0.2%), Blood, pH, Nitrite, Leu, Specific gravity. Que thử không chuyển sang màu sau khi hoàn tất xét nghiệm Không lan màu trong khoảng pH và tỷ trọng nước tiểu Màu khác nhau theo tùy thông số. Đọc kết quả nhanh bằng mắt thường hoặc bằng máy"	3.000	Test
IV . Sinh phẩm chẩn đoán				
14	Khay thử xét nghiệm định tính 4 loại ma túy và chất chuyển hóa ma túy (Heroin/Morphine, Amphetamine, Methamphetamine, Marijuana)	Sử dụng phương pháp sắc kí miễn dịch phát hiện định tính ma túy có trong mẫu nước tiểu với ngưỡng phát hiện (cut-off) MET: Methamphetamine 1000ng/ml. MDMA: Methylenedioxy-methamphetamine 1000ng/ml THC: Marijuana 50ng/ml MOP: Morphine 300ng/ml Thời gian đọc kết quả: sau 3-5 phút. Độ nhạy: 99.9% Độ đặc hiệu: 99.9% Mỗi vạch thử T chứa kháng thể đơn dòng chuột kháng thuốc và liên hợp protein-thuốc tương ứng. Đường kiểm chứng C có chứa kháng thể đa dòng IgG đề kháng IgG thô và kháng thể IgG thô. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	100	Test

V	Hóa chất dùng chung			
15	Cồn 70 độ	Cồn đạt 70 độ, Trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng	90.000	ml
VI	Vật tư y tế			
16	Giấy in huyết học	Loại giấy in nhiệt , màu trắng, kích thước : Cao 57mm, đường kính 45mm Giấy in phù hợp cho máy sinh hoá, nước tiểu, huyết học Chất lượng in sắc nét, giấy dai, đẹp, mực bền Độ trắng sáng tốt , bề mặt giấy láng đều, không có bụi giấy , tăng tuổi thọ cho máy in	100	Cuộn
Tổng cộng: 16 khoản				

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt:

Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh

Khu phố 3 - Thị trấn Bến Sung – Huyện Như Thanh – Tỉnh Thanh Hóa

Bên bán chịu trách nhiệm vận chuyển giao hàng tại kho bên mua.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Sau 5 ngày kể từ ngày nhận dự trù.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không quá 90 ngày kể từ ngày hai bên ký nghiệm thu bàn giao hàng.

Nơi nhận:

- Như trên:(Đăng tải Website:

<http://benhviendakhoanhuthanh.vn/>)

- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC



Đoàn Mạnh Huân